

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG TÂN HƯNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: /UBND-KTHTĐT  
V/v triển khai kiểm kê tài sản công  
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và  
tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước  
đầu tư, quản lý

*Tân Hưng, ngày tháng 12 năm 2025*

Kính gửi:

- Văn phòng Đảng ủy phường;
- Văn phòng HĐND & UBND phường;
- UB MTTQ Việt Nam phường và các tổ chức chính trị – xã hội phường.
- Trung tâm phục vụ hành chính công phường;
- Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường;
- Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn phường.

Căn cứ Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Văn bản số 18607/BTC-QLCS ngày 30/11/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026.

Căn cứ Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý phường Tân Hưng thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Thực hiện Công văn số 9471/STC-QLCS ngày 05/12/2025 của Sở Tài chính về việc triển khai kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Ủy ban nhân dân phường hướng dẫn các cơ quan, đơn vị một số nội dung về biểu mẫu, chỉ tiêu kiểm kê như sau:

**1. Mẫu biểu, biên bản kiểm kê**

**a) Mẫu biên bản kiểm kê**

- Các cơ quan, đơn vị (là đối tượng thực hiện kiểm kê) thực hiện các mẫu biên bản kiểm kê, gồm:

+ Biểu mẫu biên bản kiểm kê tài sản cố định: 01-BB/TSCĐ;

+ Các biểu mẫu Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có): 02-BB/HTĐB, 04-BB/HTĐSĐT, 05-BB/HTĐT, 08-BB/HTNS, 09-BB/HTTL, 10-BB/HTTMC, 11-BB/HTCCN, 12-BB/HTKCN, 13-BB/HTKKT, 14-BB/HTKCNC, 15-BB/HTTTTT, 16-BB/HTĐĐ, 17-BB/HTCC, 18-BB/HTVHTT, 19-BB/HTNĐT.

### **b) Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê**

- Các cơ quan, đơn vị (là đối tượng thực hiện kiểm kê) thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê:

+ Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản cố định: 01a-BC/TSCĐ,

+ Các biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có):

02a-BC/HTĐB, 04a-BC/HTĐSĐT, 05a-BC/HTĐT, 08a-BC/HTNS, 09a-BC/HTTL, 10a-BC/HTTMC, 11a-BC/HTCCN, 12a-BC/HTKCN, 13a-BC/HTKKT, 14a-BC/HTKCNC, 15a-BC/HTTTTT, 16a-BC/HTĐĐ, 17a-BC/HTCC, 18a-BC/HTVHTT, 19a-BC/HTNĐT.

## **2. Xác định chỉ tiêu về giá trị tài sản tại các mẫu, biểu:**

**2.1. Về việc xác định các chỉ tiêu tại các mẫu, biểu:** Thực hiện theo hướng dẫn tại Mục IV, Văn bản số 18607/BTC-QLCS ngày 30/11/2025 của Bộ Tài chính.

### **2.2. Một số lưu ý khi kiểm kê:**

2.2.1. Chỉ tiêu “Mã đơn vị quản lý tài sản theo kết quả Tổng kiểm kê năm 2025” là Mã đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025 được định danh trong Phần mềm Tổng kiểm kê tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025. Cách ghi chỉ tiêu: Ghi mã đơn vị quản lý tài sản đã được định danh tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025, cụ thể: (1) Trường hợp đơn vị mới được sáp nhập từ 2 đơn vị trở lên thì tài sản tiếp nhận của đơn vị nào ghi mã của đơn vị quản lý tài sản đó tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025. Ví dụ: Xã A (mới) được hình thành từ xã B (cũ) và xã C (cũ), trong đó xã A được tiếp nhận toàn bộ tài sản của xã B (cũ), xã C (cũ) và một phần tài sản của huyện D thì những tài sản tiếp nhận từ xã B ghi mã đơn vị quản lý tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025 là mã đơn vị của xã B, những tài sản tiếp nhận từ xã C thì ghi mã đơn vị quản lý tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025 là mã đơn vị của xã C, những tài sản tiếp nhận từ huyện D thì ghi mã đơn vị quản lý tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025 là mã đơn vị của huyện D. (2) Trường hợp đơn vị không thuộc đối tượng chia tách, sáp nhập thì điền mã đơn vị mình vào cột này. Lưu ý: Đối với những tài sản mua sắm mới sau thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025 không điền chỉ tiêu này.

*(Gửi kèm theo Danh sách mã đơn vị quản lý tài sản được định danh trong Phần mềm Tổng kiểm kê tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025)*

2.2.2. Chỉ tiêu “Chịu ảnh hưởng thiên tai từ năm 2023-2025” là chỉ tiêu áp dụng cho các tài sản là nhà, công trình xây dựng thuộc các nhóm tài sản kiểm kê chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai (bão, lũ, lụt,...) và phải bỏ chi phí khắc phục hậu quả. Đây là chỉ tiêu mang tính chất thống kê để tổng hợp về tần suất đã

bị ảnh hưởng thiên tai của nhà, công trình trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2025. Với các chỉ tiêu chi tiết gồm: Có bị ảnh hưởng; Không bị ảnh hưởng; Số lần bị ảnh hưởng. Chi tiết cách ghi chỉ tiêu: Điền số “1” vào Cột “Có” (nếu có chịu ảnh hưởng bởi thiên tai) hoặc “Không” (nếu không chịu ảnh hưởng bởi thiên tai). Nếu chọn cột “Có” thì điền tiếp số lần chịu ảnh hưởng bởi thiên tai vào cột “Số lần xảy ra (nếu có)”. Căn cứ xác định thiệt hại do thiên tai gây ra được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Tài chính) về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

2.2.3. Chỉ tiêu “Tài sản trên đất” phục vụ công tác gán nhà, công trình xây dựng trên đất với “Đất” để tổng hợp thông tin đối với đất và nhà, công trình gắn với khuôn viên đất đó tại các Mẫu số 01, Mẫu số 18, Mẫu số 20; theo đó: Tại cột chỉ tiêu này, đối với đất và nhà, công trình trên khuôn viên đất đó thì được ghi cùng một chữ số (bắt đầu từ chữ số “1”). Ví dụ: Tại biểu Mẫu số 01: Đối với tài sản là đất, tại cột chỉ tiêu (25) đánh số thứ tự cho từng khuôn viên đất (Từ chữ số “1” tăng dần đến hết), đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng trên đất thì nhà, công trình được xây dựng trên khuôn viên đất nào, tại cột chỉ tiêu này được ghi theo số thứ tự của khuôn viên đất ấy. Ví dụ: đơn vị quản lý 02 khuôn viên đất thì tại cột chỉ tiêu (25) đánh số thứ tự cho 02 khuôn viên đất lần lượt là 1 và 2. Các tài sản là nhà, công trình xây dựng trên khuôn viên đất số 1 tại cột (25) thì cũng được ghi tương ứng là số 1 tại cột (25); các tài sản là nhà, công trình xây dựng trên khuôn viên đất số 2 tại cột (25) thì cũng được ghi tương ứng là số 2 tại cột (25).

2.2.4. Trường hợp các tài sản đã được bàn giao, tiếp nhận theo các Quyết định chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý hoặc Quyết định thu hồi nhưng chưa giao cho đơn vị quản lý, sử dụng tài sản, chỉ giao cho đơn vị tạm quản lý (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã,...) thì được kiểm kê theo Mẫu số 20. Tài sản được giao quản lý, xử lý.

2.2.5. Đối với tài sản tại các cơ sở giáo dục hình thành từ việc tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân (không bao gồm tài sản của các tổ chức, cá nhân khác lắp đặt nhưng không bàn giao, tài trợ cho cơ sở giáo dục) thì thực hiện kiểm kê theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (trường hợp có văn bản thay thế thì thực hiện theo văn bản thay thế).

2.2.6. Đối với loại tài sản Đất: (i) Không lựa chọn tình trạng tài sản là: “Hỏng, không sử dụng được”; (ii) Trường hợp các khuôn viên đất đơn vị đang quản lý, sử dụng nhưng chưa có hồ sơ giấy tờ thì vẫn thực hiện kiểm kê.

2.2.7. Đối với tài sản do Ủy ban nhân cấp xã đang được giao quản lý như: Nhà tưởng niệm, Đài tưởng niệm, sân chơi trẻ em, vườn hoa công cộng, đường thôn, xóm, đường nội đồng, công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, mương xóm,.. thì không thực hiện kiểm kê đối với những tài sản này.

2.2.8. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng: Các đối tượng quản lý/tạm quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện kiểm kê đối với các tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý mà đơn vị mình đang quản lý/tạm quản lý (bao gồm cả tài sản kết cấu hạ tầng được hình thành từ việc đóng góp tự nguyện của nhân dân). Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng do nhân dân tự huy động, đầu tư xây dựng, Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, nguyên vật liệu,... để đầu tư xây dựng; tài sản được giao cho doanh nghiệp theo hình thức nhận nợ (bao gồm cả trường hợp chưa thanh toán hết nợ) thì không thuộc phạm vi kiểm kê.

2.2.9. Gắn mã QR đối với từng tài sản theo nguyên tắc: Mỗi tài sản kiểm kê sau khi nhập thông tin lên Phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công (gọi là Phần mềm TTK) sẽ được Phần mềm tự động sinh ra một mã QR. Sau khi nhập thông tin tài sản lên Phần mềm TTK, đơn vị kiểm kê có trách nhiệm in mã QR do Phần mềm TTK sinh ra để dán lên tài sản đã kiểm kê; trường hợp tài sản là hệ thống gồm nhiều bộ phận thì phần mềm sẽ sinh mã 01 mã QR cho hệ thống, đơn vị dán mã QR lên từng bộ phận hoặc bộ phận chính của hệ thống đó; đối với các tài sản là tài sản cố định vô hình thì sau khi lấy mã QR của tài sản từ Phần mềm TTK, đơn vị kiểm kê thực hiện lưu trữ mã QR cùng hồ sơ của tài sản. Việc dán mã QR cho tài sản hữu hình phải bảo đảm dễ nhận biết, đồng thời đảm bảo an toàn. Đây là cơ sở để tra cứu thông tin tài sản và thực hiện kiểm kê trong các năm tiếp theo.

2.2.10. Đối với trường hợp sau sắp xếp tinh gọn bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp mà tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý tới thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026 (trừ các tài sản đã quy định tại tiết d điểm 6 Mục này) chưa được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định giao tài sản cho đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng thì giao cho đơn vị đang sử dụng có trách nhiệm kiểm kê.

2.2.11. Đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đã hạch toán riêng giá trị nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thành một (1) tài sản riêng (không thực hiện điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định được nâng cấp, mở rộng theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC) thì thực hiện cộng giá trị nâng cấp, mở rộng vào nguyên giá của tài sản được nâng cấp, mở rộng, giá trị còn lại đã theo dõi của phần nâng cấp, mở rộng vào giá trị còn lại của tài sản được nâng cấp, mở rộng.

2.2.12. Thực hiện kiểm kê các loại phần mềm (gồm: Phần mềm hệ thống, Phần mềm tiện ích, Phần mềm ứng dụng và các Phần mềm khác) vào nhóm “Phần mềm ứng dụng” tại các Biểu mẫu số 01 về tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và áp dụng tỷ lệ tính hao mòn của loại “Phần mềm ứng dụng” để làm cơ sở xác định giá trị còn lại của tài sản.

### 3. Đối tượng thực hiện kiểm kê

- Văn phòng Đảng ủy phường; Văn phòng HĐND & UBND phường; UB MTTQ Việt Nam phường và các tổ chức chính trị – xã hội phường; Trung tâm phục vụ hành chính công phường; Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường; Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn phường.

- Đối với tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý: Đối tượng kiểm kê là các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác đang được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng.

- Thủ trưởng đối tượng thực hiện kiểm kê quyết định thành lập Tổ kiểm kê để thực hiện kiểm kê tài sản thuộc phạm vi kiểm kê do mình đang trực tiếp quản lý/tạm quản lý và chịu trách nhiệm về số liệu kiểm kê; thành phần Tổ kiểm kê do Thủ trưởng đối tượng thực hiện kiểm kê quyết định cụ thể căn cứ vào tính chất, đặc điểm, quy mô và thực tế quản lý tài sản.

### 4. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiểm kê

Đối tượng thực hiện kiểm kê có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm kê về Ủy ban nhân dân phường (qua phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường), **trước ngày 31/1/2026** hoặc khi có yêu cầu.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị thuộc phường quan tâm, tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng (qua Phòng Kinh tế – Hạ tầng và Đô thị) để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết; trường hợp vượt quá thẩm quyền, Ủy ban nhân dân phường sẽ tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành để được hướng dẫn hoặc xử lý theo quy định./.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- Sở Tài chính (để b/c);
- TT Đảng ủy phường (để b/c);
- Chủ tịch UBND phường (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Tiến Dương, PCT UBND phường;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Dương**